

THE ASEAN UNIVERSITY NETWORK SUMMER CAMP AND ITS IMPLEMENTATION AT A VIETNAMESE UNIVERSITY

Bui Thi Hong Hanh¹, Mai Thi Kim Khanh^{*2},
Chau Huy Ngoc³

* Corresponding author:

Email: mtkkhanh@vnuilead.edu.vn

¹ Email: bthhanh@vnuhcm.edu.vn

High School for the Gifted, Vietnam National
University, Ho Chi Minh City
153 Nguyen Chi Thanh, An Dong ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

² Institute for Leadership Development, Vietnam
National University, Ho Chi Minh City
No.01 Vo Trung Toan, Linh Xuan ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

³ Email: chngoc@itec.hcmus.edu.vn
University of Science, Vietnam National University,
Ho Chi Minh City
227 Nguyen Van Cu, Cho Quan ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 14/12/2025

Revised: 16/01/2026

Accepted: 15/02/2026

Published: 20/3/2026

Abstract: This study examines the ASEAN University Network Summer Camp initiative, specifically focusing on its implementation at a Vietnamese university in 2024 and 2025. The research aims to identify the key factors attracting international students and to evaluate their overall experiences. Utilizing a quantitative approach through survey questionnaires, the study reveals that the primary motivations for student participation are the opportunity for cultural immersion and the specific appeal of Vietnam as a destination. While the study notes specific logistical challenges, it highlights the enthusiastic support from student volunteers and the Buddy program as significant strengths that greatly enhance participant satisfaction. The findings confirm that the Summer Camp serves not only as a successful academic platform but also as a vital instrument for people-to-people diplomacy, promoting Vietnam's image and fostering a cohesive ASEAN spirit. The article concludes by offering strategic recommendations to sustain these advantages and improve future program quality.

Keywords: ASEAN university network Summer camp, international student mobility, ASEAN, Vietnam, university.

TRẠI HÈ MẠNG LƯỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ASEAN VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI TẠI MỘT ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Bùi Thị Hồng Hạnh¹, Mai Thị Kim Khánh^{*2},
Châu Huy Ngọc³

* Tác giả liên hệ:

Email: mtkkhanh@vnuilead.edu.vn

¹ Email: bthhanh@vnuhcm.edu.vn

Trường Phổ thông Năng khiếu,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
153 Nguyễn Chí Thanh, phường An Đông,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

² Viện Phát triển năng lực lãnh đạo, Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh

Số 01 Võ Trường Toản, phường Linh Xuân,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

³ Email: chngoc@itec.hcmus.edu.vn
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
227 Nguyễn Văn Cừ, phường Chợ Quán,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 14/12/2025

Chỉnh sửa xong: 16/01/2026

Chấp nhận đăng: 15/02/2026

Xuất bản: 20/3/2026

Tóm tắt: Nghiên cứu này xem xét sáng kiến Trại hè Mạng lưới các trường đại học ASEAN, tập trung vào công tác triển khai thực tế tại một đại học Việt Nam trong hai năm 2024 và 2025. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các yếu tố thu hút sinh viên quốc tế và đánh giá trải nghiệm tổng thể của họ. Sử dụng phương pháp định lượng thông qua bảng hỏi khảo sát, kết quả cho thấy, động lực chính thúc đẩy sự tham gia là cơ hội trải nghiệm văn hóa và sức hấp dẫn của điểm đến Việt Nam. Mặc dù còn tồn tại một số thách thức về hậu cần, sự hỗ trợ nhiệt tình từ đội ngũ tình nguyện viên và chương trình "Bạn đồng hành" (Buddy) được ghi nhận là điểm mạnh nổi bật, giúp nâng cao đáng kể sự hài lòng của người tham gia. Nghiên cứu khẳng định, Trại hè không chỉ là một diễn đàn học thuật thành công mà còn là công cụ đắc lực cho ngoại giao nhân dân, giúp quảng bá hình ảnh Việt Nam và nuôi dưỡng tinh thần ASEAN. Bài viết kết lại với các đề xuất chiến lược nhằm duy trì lợi thế và nâng cao chất lượng chương trình trong tương lai.

Từ khóa: Trại hè Mạng lưới các trường đại học ASEAN, chuyển dịch sinh viên quốc tế, ASEAN, Việt Nam, đại học.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đang nỗ lực xây dựng một cộng đồng vững mạnh và hội nhập sâu rộng, vai trò của giáo dục

đại học và phát triển vốn nhân lực ngày càng được khẳng định là yếu tố nền tảng (Yee & Rahman, 2019). Bên cạnh đó, để hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế và một Cộng đồng Văn hóa - Xã hội, ASEAN cần một thế

hệ lao động không chỉ có trình độ chuyên môn cao mà còn có tư duy và tầm nhìn khu vực. Chính vì vậy, các chương trình dịch chuyển sinh viên được xem là công cụ chiến lược nhằm thúc đẩy ngoại giao nhân dân, tăng cường hiểu biết văn hóa và kiến tạo một bản sắc chung, đó là “tinh thần ASEAN” (Rezasyah và cộng sự, 2017). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, số lượng sinh viên dịch chuyển trong nội khối ASEAN vẫn còn ở mức rất thấp (Chao, 2020), đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc phải có những sáng kiến đột phá và hiệu quả hơn để thúc đẩy quá trình này.

Ra đời năm 1995, Mạng lưới các trường đại học ASEAN (sau đây gọi tắt là Mạng lưới) đã trở thành một cơ chế then chốt, đóng vai trò tiên phong trong việc tăng cường hợp tác và thúc đẩy liên kết giáo dục đại học trong khu vực (Soejatminah, 2018). Một trong những mảng hoạt động chính của Mạng lưới là các Dự án trọng điểm dành cho Thanh niên với Trại hè (Summer Camp) được triển khai lần đầu tiên từ năm 2024 với mục tiêu “Trang bị cho sinh viên trong khu vực những năng lực và tri thức tiên tiến cần thiết để trở thành nhân tài có tính dẫn dắt tầm vóc toàn cầu với kết nối mạnh mẽ với khu vực ASEAN” (AUN, knt). Trại hè được tổ chức với thời lượng hai tuần và diễn ra đồng thời ở các trường đại học thành viên Mạng lưới đăng cai tổ chức. Hình thức tổ chức này tạo điều kiện để một số lượng lớn sinh viên từ các quốc gia ASEAN có cơ hội lựa chọn địa điểm tham gia, cũng như các chủ đề phù hợp với chuyên ngành mình đang theo học. Năm 2024, có 10 trường đại học thành viên Mạng lưới thuộc 7 quốc gia ASEAN tổ chức sáng kiến Trại hè, con số này tăng lên 11 trường và 7 quốc gia vào năm 2025. Mỗi Trại hè có một chủ đề trung tâm, phản ánh các thế mạnh và thách thức đặc thù của mỗi quốc gia, từ du lịch đến y tế tại Thái Lan, an ninh lương thực tại Malaysia, đến bảo tồn đa dạng sinh học tại Brunei Darusalam. Với số lượng sinh viên tham gia mỗi Trại hè dao động từ 60 đến 200, mỗi năm có khoảng 1000 sinh viên từ khắp ASEAN tham gia vào sáng kiến quan trọng này.

Tại Việt Nam, Đại học A trong nghiên cứu này, với vai trò là một trong những trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu ở khu vực phía Nam, đã triển khai mô hình Trại hè (2024-2025) xoay quanh chủ đề phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu. Chương trình kết nối sinh viên từ các trường đại học trong khối ASEAN thông qua các hoạt động từ bài giảng đến thực nghiệm thực địa tại vùng ngập mặn Cần Giờ và Đồng bằng Sông Cửu Long.

Với mong muốn góp phần đề xuất tăng cường số lượng sinh viên quốc tế đến các cơ sở giáo dục

đại học Việt Nam, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu tìm hiểu những động lực tham gia của cũng như trải nghiệm của sinh viên quốc tế tham gia sáng kiến Trại hè của Mạng lưới các trường đại học ASEAN triển khai tại một đại học Việt Nam. Trên cơ sở phân tích kết quả nghiên cứu, bài báo đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng và tiếp tục thu hút sinh viên quốc tế tham gia những sự kiện tương tự trong tương lai. Bên cạnh những hàm nghĩa chính sách, đây là nghiên cứu đầu tiên về trại hè quốc tế tại Việt Nam nói chung và Trại hè Mạng lưới các trường đại học ASEAN nói riêng, đóng góp vào mảng văn liệu vẫn đang tương đối sơ khai về chủ đề này trong dòng chuyển dịch sinh viên quốc tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp định lượng với dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát bằng bảng hỏi toàn bộ sinh viên tham gia chương trình Trại hè tại Đại học A, một hệ thống đại học hàng đầu ở khu vực phía Nam, trong hai năm 2024 và 2025. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên tổng quan các nghiên cứu trước đó về động lực và trải nghiệm sinh viên tham gia trại hè quốc tế, bao gồm các phần chính về thông tin nhân khẩu học, lí do lựa chọn chương trình, đánh giá về các khía cạnh khác nhau của Trại hè, và tác động của chương trình đối với sự phát triển cá nhân. Bên cạnh các biến nhân khẩu học, nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 bậc để đo lường tầm quan trọng và mức độ hài lòng của người tham gia đối với các nội dung khảo sát. Bảng hỏi được trình bày bằng tiếng Anh nhằm phù hợp với ngôn ngữ sử dụng tại Trại hè, đồng thời dựa trên thực tế là tất cả sinh viên tham gia đều đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực ngoại ngữ. Công cụ sau đó được rà soát và tham khảo ý kiến các cấp quản lí đơn vị chức năng phụ trách hợp tác quốc tế để xem xét mức độ phù hợp, sự rõ ràng trong ngôn ngữ trình bày và tính ứng dụng thực tiễn trước khi triển khai chính thức. Bảng hỏi năm 2025 có một số điều chỉnh nhỏ dựa trên phản hồi từ năm 2024, nhưng về cơ bản vẫn duy trì sự thống nhất để đảm bảo tính so sánh được giữa hai năm.

Quá trình triển khai khảo sát được thực hiện trong giai đoạn cuối của hai kì Trại hè, sau khi người tham gia đã hoàn thành các hoạt động chính của chương trình. Bảng hỏi được nhân sự của ban tổ chức Trại hè phát trực tiếp đến từng sinh viên tham gia. Tổng số sinh viên khảo sát trong hai năm lần lượt là 68 (2024, 36 sinh viên quốc tế) và 70 (2025, 45 sinh viên quốc tế), tỉ lệ phản hồi là 100%. Dữ liệu thu thập được từ kết quả khảo sát, phần mềm thống kê SPSS sẽ được

sử dụng để xử lý. Trên cơ sở biến quốc tịch của người tham gia, dữ liệu của sinh viên quốc tế sẽ được tách riêng để tiến hành phân tích. Các phương pháp thống kê mô tả sẽ được dùng để trình bày hiện trạng triển khai của chương qua từng năm. Phép so sánh giá trị trung bình giữa hai năm 2024 và 2025 sẽ được thực hiện nhằm đánh giá sự thay đổi và hiệu quả của những điều chỉnh trong công tác tổ chức, qua đó đánh giá tính hiệu quả của chương trình.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số nghiên cứu tổng quan

a. Bối cảnh ASEAN và nhu cầu tăng cường hợp tác giáo dục đại học

Bối cảnh ASEAN đang chứng kiến sự chuyển dịch chiến lược hướng tới một Cộng đồng gắn kết (Chao, 2017). Trong đó, giáo dục đại học được xem là nền tảng then chốt để củng cố bản sắc chung và tăng cường tính kết nối trong khu vực (Fahmi và cộng sự, 2019). Tuy nhiên, một nghịch lý đang tồn tại, đó là dù các văn kiện cấp cao liên tục nhấn mạnh tầm quan trọng của chuyển dịch sinh viên nội khối, tỉ lệ thực tế vẫn rất thấp (Chao, 2017), cho thấy khoảng cách lớn giữa chính sách và thực tiễn. Nguyên nhân đến từ sự chênh lệch sâu sắc về kinh tế, giáo dục và xu hướng ưu tiên “hợp tác dọc” với các đối tác phương Tây hơn là “hợp tác ngang” nội khối do áp lực xếp hạng toàn cầu (Sirat, 2016). Các chương trình trao đổi hiện tại còn manh mún và thiếu một “thương hiệu giáo dục ASEAN” đủ mạnh (Chao, 2020). Bối cảnh này đòi hỏi các giải pháp xúc tác chiến lược, quy mô lớn như Trại hè để thúc đẩy hội nhập một cách thực chất.

b. Trại hè như một hoạt động giáo dục và ngoại giao nhân dân

Trại hè quốc tế là một hình thức giáo dục không chính quy, mang lại trải nghiệm học tập đa chiều (Ozier, 2018), bổ sung cho môi trường chính quy. Chúng tạo không gian thực hành xã hội, nuôi dưỡng các kỹ năng phi nhận thức và tư duy phát triển (Ozier, 2018; Richmond và cộng sự, 2019). Vượt ra ngoài lợi ích giáo dục, trại hè là công cụ hiệu quả của “ngoại giao nhân dân” và “quyền lực mềm”. Thông qua các tương tác trực tiếp, các hoạt động trong trại hè giúp phá bỏ định kiến văn hóa (Effendi & Deniar, 2019), thúc đẩy đối thoại và xây dựng lòng tin (Farini, 2014). Trong bối cảnh ASEAN, các chương trình giao lưu này là phương tiện giá trị để nuôi dưỡng tinh thần ASEAN, nơi mỗi sinh viên trở thành một “đại sứ văn hóa” và tác nhân xây dựng cộng đồng từ cơ sở (Rezasyah và cộng sự, 2017; Kumpoh, 2021).

c. Các Trại hè Mạng lưới các trường đại học ASEAN tại các quốc gia Đông Nam Á khác

Cho đến nay, chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về chuỗi sự kiện này. Tuy nhiên, trên cơ sở tổng hợp những tài liệu thông tin về các chương trình Trại hè do các trường đại học khác ở ASEAN tổ chức có thể khái quát một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, chủ đề “Phát triển bền vững” là trọng tâm bao trùm, nhưng được tiếp cận đa dạng như Đại học Brunei Darussalam (Brunei) tập trung vào “Quản lý xanh và đa dạng sinh học” kết hợp chuyển đổi số; Đại học Putra Malaysia (Malaysia) chọn “An ninh lương thực”; Đại học De La Salle (Philippines) chọn “Bảo tồn sinh vật biển”.

Thứ hai, học tập qua trải nghiệm và dự án nhóm được chú trọng, đặc biệt trong năm 2025. Ví dụ, Trại hè Đại học Chulalongkorn năm 2025 dành một nửa thời lượng cho dự án và trải nghiệm, liên kết các hoạt động với nhiều mục tiêu phát triển bền vững. Một số chương trình tích hợp tham quan doanh nghiệp như tại Đại học Malaya (Malaysia) và Đại học Putra Malaysia (Malaysia).

Thứ ba, các Trại hè đề cao tính liên ngành. Đại học Brunei Darussalam trong cả hai kì trại năm 2024 và 2025 định vị sinh viên là tác nhân thay đổi, tập trung trang bị kỹ năng công nghệ số để quan trắc môi trường và thúc đẩy hợp tác liên ngành. Tương tự, hai kì Trại hè tại Đại học Malaya năm 2024 và 2025 nhất quán mục tiêu tăng cường kỹ năng mềm và tinh thần dẫn thân, trang bị kỹ năng đổi mới sáng tạo, tư duy phản biện và làm việc nhóm để giải quyết các thách thức bền vững.

d. Động lực tham gia trại hè

Nghiên cứu cho thấy, sinh viên ra quyết định tham gia trại hè với yếu tố hàng đầu là chất lượng và sự phù hợp của nội dung học thuật (Lazić & Brkić, 2015). Khả năng chuyển đổi tín chỉ cũng là một động lực thực tiễn then chốt, giúp tích hợp trải nghiệm vào lộ trình học tập chính thức (Lazić & Brkić, 2015; Yu & Al-Obaidi, 2020).

Bên cạnh đó, còn có các động lực quan trọng khác bao gồm cơ hội phát triển chuyên môn và nghề nghiệp (Dallari và cộng sự, 2011) cùng mong muốn trải nghiệm đa văn hóa để phát triển kỹ năng mềm và xây dựng mạng lưới toàn cầu (Budny & Larkin, 2005). Các yếu tố hỗ trợ như chi phí hợp lý, thời gian ngắn (Turman Corchado, 2019) và các kênh thông tin đáng tin cậy (văn phòng quốc tế, truyền miệng) cũng có tác động mạnh mẽ đến quyết định (Lazić & Brkić, 2015).

e. Trải nghiệm khi tham gia trại hè

Trải nghiệm trại hè là một hành trình mang tính chuyển đổi sâu sắc, thường bắt đầu bằng việc đối mặt và vượt qua các thách thức như sốc văn hóa, rào cản ngôn ngữ, áp lực học tập và khả năng tự quản lí (Kumpoh, 2021; Yu & Al-Obaidi, 2020; White & Crowley, 2015). Việc vượt qua những khó khăn này trong một môi trường an toàn, có hỗ trợ sẽ mang lại sự trưởng thành (Wilson & Sibthorp, 2018).

Về mặt học thuật và kĩ năng, sinh viên cải thiện năng lực ngôn ngữ (Erdelyi và cộng sự, 2018), phát triển kĩ năng làm việc nhóm đa văn hóa, tính độc lập, kiên trì, tư duy phản biện và năng lực công dân (Havadi-Nagy & Ilovan, 2013). Về mặt cá nhân và xã hội, trại hè nâng cao đáng kể sự nhạy cảm liên văn hóa, giúp sinh viên chuyển từ định kiến sang sự thấu hiểu sâu sắc và đồng cảm (Levine & Garland, 2015). Quá trình này được thúc đẩy bởi việc xây dựng lòng tin (Farini, 2014) và hình thành các mối quan hệ xã hội ý nghĩa (Warner và cộng sự, 2021). Lợi ích sâu sắc nhất là sự chuyển đổi trong nhận thức, mang lại sự tự tin, thế giới quan rộng mở và sự sẵn sàng của một công dân toàn cầu (Kumpoh, 2021).

3.2. Động lực tham gia và trải nghiệm của sinh viên tại Trại hè tại Đại học A

Phần này trình bày kết quả phân tích dữ liệu khảo sát thu thập từ sinh viên tham gia Trại hè tổ chức

tại Đại học A trong hai năm 2024 và 2025, tập trung vào các khía cạnh, bao gồm thông tin nhân khẩu học, động lực tham gia, mức độ hài lòng về trải nghiệm và tác động của chương trình.

a. Đặc điểm nhân khẩu học và kinh nghiệm quốc tế

Phân tích các đặc điểm nhân khẩu học trong Bảng 1 cho thấy Trại hè tại Đại học A đã tăng cường tính chất quốc tế qua hai năm tổ chức. Thứ nhất, tỉ lệ sinh viên người Việt từ chỗ chiếm gần một nửa (47%) tổng số vào năm 2024 đã giảm xuống còn 35,7% trong Trại hè 2025, tương ứng với sự gia tăng của sinh viên quốc tế từ các quốc gia ASEAN còn lại. Đáng chú ý, tỉ lệ sinh viên một số nước như Indonesia và Myanmar đã tăng gấp hai lần. Bên cạnh đó, 66,7% trong nhóm sinh viên năm 2025 cho biết chưa từng tham gia vào các hoạt động trao đổi và học tập ở nước ngoài so với tỉ lệ chỉ có 40% của năm 2024. Đặc điểm này cho thấy, Trại hè năm 2025 có xu hướng thu hút được một nhóm đối tượng mới, những người chưa có nhiều cơ hội trải nghiệm các chương trình giao lưu quốc tế.

Về tỉ lệ giới tính, dữ liệu cả hai năm đều cho thấy sinh viên nữ chiếm trên 60% tổng số sinh viên tham gia Trại hè. Tuy nhiên, tỉ lệ này có xu hướng giảm ở năm 2025 như trình bày trong Bảng 1. Đây cũng là một yếu tố cần xem xét trong thiết kế chương trình trong tương lai với các chủ đề có lồng ghép yếu tố giới.

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu học sinh viên tham gia Trại hè Mạng lưới trường đại học ASEAN tại Đại học A

Đặc điểm nhân khẩu học	Năm 2024 (N=68, 36 sinh viên quốc tế)	Năm 2025 (N=70, 45 sinh viên quốc tế)	Biến động
Giới tính			
Nữ	69,1%	61,4%	-7,7%
Nam	30,9%	38,6%	+7,7%
Phân bố quốc tịch (Top 5)			
Việt Nam	47,0%	35,7%	-11,3%
Indonesia	6,1%	12,9%	+6,8%
Myanmar	6,1%	12,9%	+6,8%
Thái Lan	10,6%	12,9%	+2,3%
Campuchia	7,6%	7,1%	-0,05%
Kinh nghiệm tham gia chương trình tổ chức ở nước ngoài			
Đã từng tham gia	60%	33,3%	-26,7%
Chưa từng tham gia	40%	66,7%	+26,7%

b. Động lực tham gia Trại hè của sinh viên quốc tế

Dữ liệu khảo sát về các yếu tố thúc đẩy sinh viên mong muốn ra nước ngoài tham gia trại hè quốc tế (xem Bảng 2) cho thấy tầm quan trọng của mong muốn tăng cường trải nghiệm với thế giới bên ngoài rộng lớn hơn. Kết quả khảo sát cho thấy, yếu tố mạnh mẽ nhất thúc đẩy sinh viên quốc tế trong nghiên cứu này tham gia một chương trình ở nước ngoài là “cơ hội trải nghiệm một nền văn hóa khác” (điểm trung bình lần lượt 4,63 và 4,69 qua hai năm 2024 và 2025) và “cơ hội để du lịch nước ngoài” (4,09 và 4,22) và có xu hướng tăng. Ngoài ra, “mong muốn học tại một cơ sở đào tạo nước ngoài” cũng có vai trò quan trọng nhưng có xu hướng giảm đáng kể trong năm 2025 (4,24) so với 2024 (3,98). Các yếu tố thúc đẩy khác như sự khuyến khích của gia đình hay người thân hay yêu cầu của chương trình đào tạo đều có tầm quan trọng thấp hơn đáng kể dao động trong quãng giá trị từ 2,06 đến dưới 3,0.

Dữ liệu về các yếu tố thu hút sinh viên quốc tế lựa chọn Trại hè tại Đại học A trình bày trong Bảng 3 cũng tiếp tục cho thấy sự nổi trội của những yếu tố liên quan đến trải nghiệm trong một môi trường bên ngoài quê hương. Điều này cũng tương ứng với các động lực thúc đẩy họ quyết định lựa chọn một chương trình ở nước ngoài (xem Bảng 2). Cụ thể, sức hấp dẫn của “điểm đến Việt Nam” ở khía cạnh “trải nghiệm văn hóa, tương tác với người dân địa phương” và “trải nghiệm thiên nhiên” đều được đánh giá trên 4,0/5,0 trong cả hai năm. Bên cạnh đó, các yếu tố như “chi phí hợp lý” (4,14 năm 2024, 3,91 năm 2025) và chính chủ đề của trại hè (4,26 và 3,73) cũng là những yếu tố thu hút quan trọng. Trong khi đó, “danh tiếng/xếp hạng của Đại học A” có mức độ quan trọng thấp hơn đáng kể (3,29 và 3,07).

Một điểm đáng lưu ý là các yếu tố chính thu hút sinh viên quốc tế đến Trại hè tại Đại học A mặc dù

có sự gần như tương đồng giữa hai năm nhưng mức độ quan trọng đối với người trả lời đã giảm đi đáng kể, đặc biệt là chủ đề của Trại hè. Duy trì gần như không đổi sau hai năm triển khai, chủ đề được đánh giá là yếu tố thu hút quan trọng ở năm 2024 đã giảm 0,53 điểm chỉ còn 3,76 vào năm 2025. Với độ lệch chuẩn 1,23 giá trị trung bình này cho thấy một mặt có những sinh viên quốc tế đánh giá rất cao sức hút của chủ đề này nhưng ngược lại cũng có những ý kiến đánh giá mức độ quan trọng khá thấp. Kết quả này cho thấy sự cần thiết phải đổi mới chủ đề để tạo sự mới mẻ nhằm duy trì sự hấp dẫn của Trại hè đối với sinh viên quốc tế trong những chương trình tương tự trong tương lai.

c. Trải nghiệm của sinh viên tại Trại hè tại Đại học A

Về mức độ hài lòng chung đối với các trải nghiệm trong khuôn khổ Trại hè tại Đại học A, sinh viên quốc tế tham gia khảo sát đã có đánh giá khá tích cực. Đặc biệt, so sánh kết quả khảo sát của 2024 và 2025 cho thấy sự cải thiện đáng kể, tăng từ 3,65 (2024) lên 4,02 (2025) (xem Bảng 4).

Đối với các khía cạnh trải nghiệm tại Trại hè, dữ liệu trình bày trong Bảng 5 cho thấy, về phương diện học thuật, các chuyên đề học thuật được sinh viên đánh giá tích cực (3,60 năm 2024 và 3,69 năm 2025). Bên cạnh đó, chương trình đã ghi nhận điểm cải thiện lớn khi dịch vụ ẩm thực (3,43 năm 2024 và 3,73 năm 2025), đặc biệt là lựa chọn thực phẩm *Halal* dành cho sinh viên Muslim, chiếm 1/3 số lượng sinh viên quốc tế tại Trại hè, tăng từ 2,92 lên 3,67 năm 2025. Tuy nhiên, trải nghiệm thực địa vẫn tiếp tục cần cải thiện, đặc biệt là các hoạt động tổ chức tại Đồng bằng sông Cửu Long. Các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất đặc biệt là điều kiện lưu trú có mức độ đánh giá hài lòng thấp dù đã có xu hướng tăng đáng kể trong năm 2025 (1,97 năm 2024 và 2,49 năm 2025).

Bảng 2: Các yếu tố thúc đẩy sinh viên quốc tế tham gia một chương trình ở nước ngoài

Yếu tố lực đẩy	Năm 2024	Độ lệch chuẩn	Năm 2025	Độ lệch chuẩn	Biến động
Cơ hội trải nghiệm một nền văn hóa khác.	4,63	0,65	4,69	0,56	+0,06
Cơ hội để du lịch nước ngoài.	4,09	0,90	4,22	0,77	+0,13
Mong muốn học tại một cơ sở đào tạo/ chương trình đào tạo ở nước ngoài.	4,24	1,18	3,98	1,34	-0,26
Gia đình/người thân khuyến khích.	2,56	1,33	2,96	1,35	+0,40
Yêu cầu của chương trình đào tạo.	2,06	1,18	2,13	1,18	+0,07

Bảng 3: Các yếu tố thu hút sinh viên quốc tế lựa chọn Trại hè Mạng lưới trường đại học ASEAN tại Đại học A

Yếu tố sức hút	Năm 2024	Độ lệch chuẩn	Năm 2025	Độ lệch chuẩn	Biến động
Trải nghiệm văn hóa Việt Nam và tương tác với người dân địa phương.	4,51	0,82	4,20	0,87	-0,31
Trải nghiệm thiên nhiên và cảnh đẹp ở Việt Nam.	4,49	0,78	4,07	0,99	-0,42
Chi phí phải chăng.	4,14	0,94	3,91	1,00	-0,23
Chủ đề của Trại hè hấp dẫn.	4,26	0,85	3,73	1,23	-0,53
Danh tiếng/Xếp hạng của Đại học A .	3,29	1,32	3,04	1,17	-0,25
Gợi ý từ trường đang theo học.	2,77	1,26	3,07	1,18	+0,30
Đây là lựa chọn duy nhất.	2,14	1,52	2,62	1,70	+0,58
Tác động từ bạn bè.	2,06	1,39	2,27	1,37	+0,21

Bảng 4: Mức độ hài lòng chung đối với trải nghiệm của sinh viên quốc tế tại Trại hè Mạng lưới trường đại học ASEAN tại Đại học A

2024	Độ lệch chuẩn	2025	Độ lệch chuẩn	Biến động
3,65	1,02	4,02	0,86	+0,37

Bảng 5: Mức độ hài lòng của sinh viên quốc tế tham gia Trại hè Mạng lưới trường đại học ASEAN tại Đại học A

Khía cạnh đánh giá	Năm 2024	Độ lệch chuẩn	Năm 2025	Độ lệch chuẩn	Biến động
Trải nghiệm chung					
Bài giảng học thuật.	3,60	0,85	3,69	0,79	+0,09
Chuyến đi thực địa.	3,80	1,02	3,44	1,04	-0,36
Cơ sở vật chất lớp học tại Thành phố Hồ Chí Minh.	3,77	1,11	3,49	1,16	-0,28
Nơi ở tại Thành phố Hồ Chí Minh.	3,65	1,01	3,38	1,28	-0,27
Cơ sở vật chất lớp học tại Đồng bằng Sông Cửu Long.	3,29	1,27	2,80	1,06	-0,49
Nơi ở tại Đồng bằng Sông Cửu Long.	1,97	1,22	2,49	1,20	+0,52
Dịch vụ ăn uống.	3,43	1,15	3,73	1,07	+0,30
Thực phẩm Halal dành cho sinh viên Muslim.	2,92	1,38	3,67	1,05	+0,75
Hỗ trợ và Tương tác					
Sinh viên tình nguyện Việt Nam.	4,66	0,54	4,60	0,65	-0,06
Sinh viên bạn đồng hành (Buddy).	4,14	1,38	4,58	0,69	+0,44
Tương tác với sinh viên Việt Nam.	4,37	0,88	4,38	0,72	+0,01

Dữ liệu khảo sát cũng đã ghi nhận những đánh giá tích cực dành cho sự hỗ trợ và tương tác xã hội mà sinh viên quốc tế tham gia Trại hè nhận được, đây chính là điểm mạnh vượt trội của chương trình. Sự hỗ trợ nhiệt tình, thân thiện của đội ngũ sinh viên tình nguyện Việt Nam và chương trình “Bạn đồng hành” luôn nhận được điểm đánh giá trên 4,0/5,0 và có xu hướng tăng.

d. Tác động của chương trình đối với sinh viên quốc tế tham gia

Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy, việc tham gia trại hè quốc tế có tác động tích cực đến quá trình phát triển cá nhân của người tham gia (Kumpoh, 2021; Yu & Al-Obaidi, 2020; White & Crowley, 2015). Kết quả khảo sát trải nghiệm tại Trại hè tại Đại học A cũng đã cho thấy có những tác động tích cực đến sự phát triển của sinh viên quốc tế. Hầu hết sinh viên quốc tế tham gia (94,1% năm 2024 và 93,3% năm 2025) đồng ý ở các mức độ khác nhau rằng chương trình là một trải nghiệm có giá trị cho sự phát triển cá nhân. Đáng chú ý là tỉ lệ lựa chọn mức “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” đã tăng lần lượt từ 26,5% và 38,2% năm 2024 lên 33,3% và 40% năm 2025 (xem Bảng 6).

Một minh chứng nữa cho sự thành công của chương trình là sự gia tăng đáng kể trong mức độ

sẵn lòng giới thiệu Trại hè tại Đại học A cho bạn bè (3,57 năm 2024 lên 4,00 năm 2025). Điều này cho thấy nếu những điểm cần cải tiến được khắc phục và điểm mạnh được phát huy, sinh viên quốc tế sẽ trở thành những “đại sứ” hiệu quả và đáng tin cậy. Bên cạnh đó, sinh viên quốc tế tham gia Trại hè cũng cho thấy ý định quay trở lại Việt Nam du lịch ở mức rất cao, khẳng định vai trò của chương trình như một kênh hiệu quả quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế. Dữ liệu từ Bảng 7 cho thấy sinh viên quốc tế tham gia Trại hè có khả năng quay lại Việt Nam để du lịch khá cao và tăng đáng kể.

4. Thảo luận

Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát ủng hộ các nghiên cứu trước đây về động lực tham gia của sinh viên, khi cho thấy việc sinh viên ưu tiên các giá trị học thuật và trải nghiệm văn hóa thay vì danh tiếng của cơ sở giáo dục (Lazić & Brkić, 2015). Vai trò của các yếu tố thực tiễn như chi phí hợp lí cũng khẳng định Trại hè là một lựa chọn khả thi cho nhiều đối tượng sinh viên (Turman Corchado, 2019). Bên cạnh đó, trải nghiệm của sinh viên tại Trại hè là một minh chứng cho thấy đây là một môi trường học tập hiệu quả (Sirat, 2017), nơi sinh viên không chỉ học kiến thức mà còn phát triển toàn diện khi đối mặt và vượt qua các thách thức thực tế, một quá trình được xem là

Bảng 6: Đánh giá của sinh viên quốc tế về mức độ hữu ích của Trại hè Mạng lưới trường đại học ASEAN tại Đại học A

Trại hè là một trải nghiệm tích cực cho sự phát triển học thuật và cá nhân			
	2024	2025	Biến động
Hoàn toàn đồng ý	26,5%	33,3%	+6,8%
Đồng ý	38,2%	40%	+1,8%
Phần nào đồng ý	29,4%	20%	-9,4%
Phần nào không đồng ý	5,9%	6,7%	+0,8%
Hoàn toàn không đồng ý	0%	0%	0%

Bảng 7: Mức độ chia sẻ về chương trình, khả năng quay lại Việt Nam và Đại học A

	Năm 2024	Độ lệch chuẩn	Năm 2025	Độ lệch chuẩn	Biến động
Mức độ sẵn lòng giới thiệu chương trình.	3,57	1,24	4,00	0,94	+0,43
Sẵn lòng quay lại Việt Nam du lịch với bạn bè.	3,51	1,46	4,24	0,86	+0,73
Sẵn lòng quay lại Việt Nam du lịch với gia đình.	3,31	1,47	3,98	1,18	+0,67
Quay lại Đại học A để trao đổi 1-2 học kì.	3,00	1,50	2,78	1,28	-0,22

chất xúc tác cho sự trưởng thành vượt bậc (Kumpoh, 2021; Wilson & Sibthorp, 2018).

Hiệu quả này càng được củng cố khi Trại hè tại Đại học A sở hữu những ưu điểm đặc thù so với các chương trình trong khu vực. Với chủ đề biến đổi khí hậu, chương trình đã khai thác sâu một vấn đề thời sự tại các địa điểm then chốt như Cần Giờ và Đồng bằng Sông Cửu Long, những khu vực dễ bị tổn thương, giúp tạo ra trải nghiệm học tập có tác động mạnh thông qua tương tác thực địa trực tiếp.

Trong bối cảnh đó, vai trò của “yếu tố con người” vẫn nổi lên như một nhân tố quyết định thành công. Sự hỗ trợ nhiệt thành từ các tình nguyện viên không chỉ là hỗ trợ về mặt hậu cần mà còn là một hình thức “ngoại giao nhân dân” cấp độ vi mô. Những tương tác đi vào thực chất này đã giúp giảm thiểu những định kiến đồng thời xây dựng lòng tin (Farini, 2014) và tạo ra một môi trường an toàn về tâm lý, giúp sinh viên quốc tế cảm thấy được chào đón và kết nối. Chính những mối quan hệ này sẽ góp phần nuôi dưỡng “tinh thần ASEAN” một cách tự nhiên và bền vững, đúng với mục tiêu mà Rezasyah và cộng sự (2017) đã chỉ ra và khuyến nghị cho các hoạt động của Mạng lưới, lấy giáo dục làm nền tảng để thúc đẩy sự gắn kết trong khối ASEAN. Cuối cùng, việc sinh viên sau khi tham gia chương trình có thiện cảm sâu sắc và mong muốn quay trở lại Việt Nam đã khẳng định vai trò của Trại hè như một công cụ “quyền lực mềm” hiệu quả (Effendi & Deniar, 2019).

5. Kết luận và Khuyến nghị

Nghiên cứu đã phân tích các yếu tố thu hút và trải nghiệm của sinh viên quốc tế tại Trại hè Mạng lưới các trường đại học ASEAN tại Đại học A trong hai năm 2024 và 2025. Kết quả cho thấy chương trình đã có những bước tiến đáng kể trong việc nâng cao chất lượng thông qua nỗ lực phát huy thế mạnh vượt trội về yếu tố con người và khắc phục các điểm yếu về hậu cần, đồng thời khai thác hiệu quả lợi thế đặc thù của bối cảnh địa phương. Bên cạnh những khía cạnh tích cực, những yếu tố liên quan đến cơ sở vật chất vẫn cần phải được cải thiện, đồng thời chủ đề Trại hè cũng cần được cập nhật để tạo sự mới mẻ cho những sự kiện tương tự trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

AUN., (knt.). *AUN Summer Camp*. Truy cập ngày 10 tháng 10 năm 2025, từ <https://aunsec.org/aun-action/our-flagship-project/aun-summer-camp>
Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về Đột phá*

Từ các kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chiến lược nhằm duy trì và nâng cao vị thế cạnh tranh của chương trình. Trước hết, cần tiếp tục định vị Trại hè như một hành trình khám phá Việt Nam có định hướng, nhấn mạnh sự kết hợp độc đáo giữa học thuật và trải nghiệm thực địa độc đáo. Thứ hai, việc cải thiện vấn đề chất lượng nơi ở không chỉ là để tăng cường trải nghiệm mà còn là một yêu cầu bắt buộc để chương trình có thể cạnh tranh với các lựa chọn khác trong khu vực. Thứ ba, cần tiếp tục xem yếu tố con người là sự đầu tư chiến lược, giúp duy trì lợi thế cạnh tranh cốt lõi. Thứ tư, phải tiến hành khảo sát nhu cầu và đầu tư những chủ đề mới, từ đó đổi mới các nội dung Trại hè, tạo sự mới mẻ cho người tham gia.

Tóm lại, Trại hè tại Đại học A không chỉ là một chương trình trao đổi học thuật thành công mà còn là một mô hình hiệu quả về ngoại giao nhân dân, đã khẳng định được vị thế riêng của mình. Bằng cách tiếp tục cải tiến một cách chiến lược và phát huy các giá trị cốt lõi, chương trình có tiềm năng đáng kể để trở thành một thương hiệu uy tín hàng đầu trong khu vực, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự hiểu biết liên văn hóa, xây dựng một cộng đồng ASEAN gắn kết, đồng thời nâng cao vị thế và sức ảnh hưởng của giáo dục đại học Việt Nam trên trường quốc tế.

6. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tương lai

Dù đạt được mục tiêu đề ra, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế. Thứ nhất, phương pháp khảo sát định lượng giúp dễ so sánh nhưng thiếu chiều sâu từ những trải nghiệm cá nhân của sinh viên và ban tổ chức. Thứ hai, quy mô mẫu nhỏ (khoảng 40 sinh viên) làm hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần kết hợp phương pháp định tính và định lượng, đồng thời mở rộng phạm vi khảo sát sang các quốc gia ASEAN khác nhằm hoàn thiện mô hình thúc đẩy dịch chuyển sinh viên nội khối.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề án mã số DN2024-76-01.

phát triển giáo dục và đào tạo.

Budny, D. & Larkin, T. (2005). Summer international experience for first year students. *Proceedings of the 2005 American Society for Engineering Education*

- Annual Conference & Exposition*. American Society for Engineering Education. <https://doi.org/10.18260/1-2--14938>
- Chao, R. Y., Jr. (2017). Mobility, mutual recognition and ASEAN community building: The road to sustainable ASEAN integration. *Journal of International and Comparative Education*, 6(2), pp.105-121. <https://doi.org/10.14425/jice.2017.6.2.105>
- Chao, R. Y., Jr. (2020). Intra-ASEAN student mobility: Overview, challenges and opportunities. *Journal of Applied Research in Higher Education*. <https://doi.org/10.1108/JARHE-07-2019-0178>
- Dallari, F., Grandi, S. & Macchini, V. (2011). Expanding the higher education experience: International summer schools in tourism. *Alma Tourism*, 4, pp.24–35. <https://doi.org/10.6092/issn.2036-5195/2478>
- Effendi, T. D. & Deniar, S. M. (2019, March 23-24). *China's image and public diplomacy through cultural activity: Case study on Summer Camp Program by Confucius Institute in Malang, Indonesia* [Paper presentation]. ICEL 2019, Malang, Indonesia. <https://doi.org/10.4108/eai.23-3-2019.2284901>
- Erdelyi, T., Fukuda, T. & Yagi, K. (2018). Analysis of study abroad summer program. *OnCUE Journal*, 11(2), pp.116-122.
- Fahmi, Z. M., Balasingam, U. & Laguador, J. M. (2019). ASEAN Qualification Reference Framework: Harmonization of ASEAN Higher Education Area. In A. Idris & N. Kamaruddin (Eds.), *ASEAN post-50: Emerging issues and challenges*, pp. 101-134. Palgrave Macmillan.
- Farini, F. (2014). Trust building as a strategy to avoid unintended consequences of education: The case study of international summer camps designed to promote peace and intercultural dialogue among adolescents. *Journal of Peace Education*, 11(1), pp.81-100. <https://doi.org/10.1080/17400201.2013.837381>
- Havadi-Nagy, K. X. & Ilovan, O.-R. (2013). International summer schools in a knowledge-based society and university students' key competences for local and regional development. *ActaEd*, 3(2), pp.126-133. <https://doi.org/10.36120/2587-3636.v3i2.126-133>
- Kumpoh, A. A. A., Sulaiman, E. A. & Phan, L. H. (2021). Insights into Bruneian students' transformative mobility experiences from their community outreach activities in Vietnam. *Research in Comparative & International Education*, 16(3), pp.228-251. <https://doi.org/10.1177/17454999211038770>
- Lazić, A. & Brkić, M. (2015). *An analysis of decision-making factors of international students in selecting the summer programme: The case of the Ljubljana Summer School* (Master's thesis, University of Ljubljana).
- Levine, K. J. & Garland, M. E. (2015). Summer study-abroad program as experiential learning: Examining similarities and differences in international communication. *Journal of International Students*, 5(2), pp.175–187. <https://doi.org/10.32674/jis.v5i2.433>
- Ozier, L. (2018). Learning landscapes: The education spectrum from camps to classrooms. *Journal of Youth Development*, 13(1-2), pp.4–13. <https://doi.org/10.5195/JYD.2018.612>
- Rezasyah, T., Konety, N., Rifawan, A. & Wardhana, W. (2017). Higher education integration in ASEAN: ASEAN university network case. *Journal of ASEAN Studies*, 5(1), pp.51–59. <https://doi.org/10.21512/jas.v5i1.4155>
- Richmond, D., Sibthorp, J. & Wilson, C. (2019). Understanding the role of summer camps in the learning landscape: An exploratory sequential study. *Journal of Youth Development*, 14(3), pp.9-30. <https://doi.org/10.5195/jyd.2019.780>
- Sirat, M. (2017). ASEAN's flagship universities and regional integration initiatives. *Higher Education Evaluation and Development*, 11(2), pp.68-80. <https://doi.org/10.1108/HEED-07-2017-0004>
- Soejatminah, S. (2018). ASEAN University Network in enhancing student mobility: A case of Indonesia. *Journal of Interdisciplinary Studies in Education*, 7(1), pp.19-33. <https://doi.org/10.32674/jise.v7i1.1058>
- Turman Corchado, A. (2019). *Siena College Summer Institute: A program design for a short-term program for students from Siena's international exchange universities* [Master's thesis, SIT Graduate Institute].
- Warner, R. P., Povilaitis, V., Sibthorp, J. & Richmond, D. (2021). Emerging adults' perceptions of summer camp as meaningful work. *Journal of Outdoor Recreation, Education, and Leadership*, 13(2), pp.16-31. <https://doi.org/10.18666/JOREL-2021-V13-I2-10539>
- White, F. & Crowley, L. (2015). The international summer school experience: A worthwhile challenge. *The Law Teacher*, 49(1), pp.39-59. <https://doi.org/10.1080/03069400.2014.988461>
- Wilson, C. & Sibthorp, J. (2018). Examining the role of summer camps in developing academic and workplace readiness. *Journal of Youth Development*, 13(1-2), pp.83–104. <https://doi.org/10.5195/JYD.2018.563>
- Yee, W. M. T. & Rahman, S. (2019). Empowerment for economic and human capital development through education. In A. Idris & N. Kamaruddin (Eds.), *ASEAN post-50: Emerging issues and challenges*, pp.81-99. Palgrave Macmillan.
- Yu, C. W. & Al-Obaidi, J. (2020). Think globally, act locally: Case study BSU summer school in Shanghai, China 2018. *Journal of Advanced Research in Social Sciences and Humanities*, 5(3), pp.108-118. <https://doi.org/10.26500/JARSSH-05-2020-0305>